

Số: 891 /QĐ-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2019
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 29/01/2008 của Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định về việc thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT; được bổ sung theo Công văn số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18/4/2013 của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-ĐHSP ngày 15/10/2019 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-ĐHSP ngày 12/5/2023 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2023;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy đợt 2, tháng 5 năm 2023 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 31/5/2023;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cử nhân cho **710** (bảy trăm mười) sinh viên, cụ thể:

Ngành Sư phạm Toán học
Ngành Sư phạm Vật lý
Ngành Sư phạm Hóa học

Có 68 (sáu mươi tám) sinh viên;
Có 31 (ba mươi một) sinh viên;
Có 52 (năm mươi hai) sinh viên;



Ngành Giáo dục Chính trị	Có 11 (mười một) sinh viên;
Ngành Giáo dục Công dân	Có 7 (bảy) sinh viên;
Ngành Sư phạm Âm nhạc	Có 8 (tám) sinh viên;
Ngành Sư phạm Ngữ văn	Có 42 (bốn mươi hai) sinh viên;
Ngành Sư phạm Lịch sử	Có 11 (mười một) sinh viên;
Ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý	Có 4 (bốn) sinh viên;
Ngành Sư phạm Địa lý	Có 6 (sáu) sinh viên;
Ngành Giáo dục Tiểu học	Có 144 (một trăm bốn mươi bốn) sinh viên;
Ngành Giáo dục Mầm non	Có 51 (năm mươi một) sinh viên;
Ngành Toán ứng dụng	Có 4 (bốn) sinh viên;
Ngành Công nghệ thông tin	Có 40 (bốn mươi) sinh viên;
Ngành Công nghệ thông tin (Ưu tiên)	Có 12 (mười hai) sinh viên;
Ngành Công nghệ thông tin (CLC)	Có 2 (hai) sinh viên;
Ngành Hóa học (Hóa dược)	Có 8 (tám) sinh viên;
Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Có 10 (mười) sinh viên;
Ngành Công nghệ sinh học	Có 9 (chín) sinh viên;
Ngành Văn học	Có 11 (mười một) sinh viên;
Ngành Văn hóa học	Có 10 (mười) sinh viên;
Ngành Báo chí	Có 46 (bốn mươi sáu) sinh viên;
Ngành Việt Nam học	Có 65 (sáu mươi lăm) sinh viên;
Ngành Lịch sử	Có 5 (năm) sinh viên;
Ngành Địa lý học	Có 13 (mười ba) sinh viên;
Ngành Tâm lý học	Có 28 (hai mươi tám) sinh viên;
Ngành Tâm lý học (CLC)	Có 1 (một) sinh viên;
Ngành Công tác xã hội	Có 11 (mười một) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thúy An	18/02/2001	3,61	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 2
2	Hồ Nguyễn Duy An	16/03/2001	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 1
3	Nguyễn Quỳnh Anh	14/10/2001	3,27	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 3
4	Trần Thị Doan	11/09/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 8
5	Võ Tiến Huy Đông	22/10/2001	3,00	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 15
6	Ông Thị Thùy Dung	09/05/2001	3,75	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 9
7	Huỳnh Thị Ngọc Duyên	17/01/2001	3,33	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 13
8	Phan Thị Hiền	01/04/2001	3,22	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 26
9	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/12/2001	3,35	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 25
10	Trần Thị Ngọc Hoa	12/10/2001	3,49	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 27
11	Nguyễn Hữu Minh Hoàng	19/07/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 29
12	Nguyễn Thành Luân	16/08/2001	3,33	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 38
13	Lê Trường Nam	21/09/2001	3,30	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 40
14	Ngô Thị Thanh Nga	26/06/2001	3,80	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 41
15	Phạm Thị Kim Ngân	19/12/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 42
16	Nguyễn Võ Như Ngọc	09/06/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 46
17	Trần Thị Bích Ngọc	16/09/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 47
18	Vũ Thị Thảo Nhi	28/06/2001	3,79	Xuất sắc	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 14
19	Lê Yến Nhi	03/12/2001	3,05	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 54
20	Nguyễn Quỳnh Như	22/08/2001	3,27	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 57
21	Đặng Diễm Quỳnh	26/08/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 62
22	Trần Thị Diễm Quỳnh	16/12/2001	3,34	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 63
23	Trần Xuân Minh Tâm	07/12/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 67
24	Trần Ngọc Tâm	02/12/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 66
25	Đặng Bảo Thi	21/04/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 77
26	Trương Thị Thu Thủy	07/08/2001	3,30	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 84
27	Trần Thị Hàn Thuyền	28/10/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 85



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
28	Nguyễn Thị Tiến	30/04/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 70
29	Lê Thị Kiều Tiên	08/05/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 68
30	Đào Thị Huyền Trang	06/07/2001	3,30	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 87
31	Trần Thị Ngọc Trang	06/05/2001	3,13	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 89
32	Nguyễn Đình Tuấn	21/09/2001	3,75	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 71
33	Tạ Thị Thanh Tuyền	24/09/2001	3,51	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 74
34	Hoàng Thị Thảo Vân	28/04/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 95
35	Nguyễn Xuân Việt	22/03/1992	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 98
36	Nguyễn Trung Vĩnh	20/05/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 100
37	Bùi Thị Hồng Vy	01/08/2001	3,40	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 102
38	Huỳnh Thị Ánh Hồng	29/12/2001	3,20	Giỏi	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 4
39	Trần Thị Thu Hiền	10/08/2001	3,02	Khá	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 10
40	Võ Phạm Tú Bằng	21/11/2001	3,10	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
41	Trần Lê Nhật Đan	05/09/2001	3,30	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 14
42	Nguyễn Thị Trà Giang	24/02/2001	3,12	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 17
43	Hà Thị Thu Hằng	09/11/2001	3,27	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 20
44	Lê Thị Diễm Hằng	07/11/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 21
45	Tô Thị Hằng	30/08/2001	3,00	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
46	Lê Thị Diệu Hiền	02/12/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 24
47	Nguyễn Thị Diệu Huyền	01/01/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 30
48	Hồ Nguyễn Nhật Linh	17/04/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 35
49	Huỳnh Trần Anh Nghĩa	29/08/2001	2,73	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 43
50	Trần Võ Minh Ngọc	07/03/2001	2,71	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 48
51	Đặng Long Nhật	21/10/2001	2,62	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 51
52	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	08/10/2001	2,99	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 53
53	Lê Thị Quỳnh Như	23/08/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 56
54	Phan Nguyễn Quang Phúc	05/02/2001	3,19	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 59
55	Nguyễn Thị Phương	21/03/2001	2,88	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 60
56	Bùi Văn Quy	28/09/2001	3,01	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 61
57	Nguyễn Duy Sơn	23/12/2001	2,88	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 65
58	Đoàn Thị Kiều Thi	26/03/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 78
59	Hồ Thị Thoa	21/02/2000	3,19	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 79
60	Hoàng Văn Thôi	24/06/1993	3,10	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 80
61	Nguyễn Lê Anh Thư	18/12/2001	3,40	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 86
62	Đoàn Nhật Minh Thùy	20/07/2001	3,74	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 82

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
63	Trần Nam Tiến	04/09/2001	3,75	Xuất sắc	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 2
64	Đinh Nguyễn Quỳnh Trang	21/03/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 88
65	Đặng Thanh Tùng	20/10/1998	3,27	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 72
66	Lê Thị Vân	17/07/2000	2,99	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 96
67	Nguyễn Thị Yến Vi	29/01/2001	3,18	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 97
68	Nguyễn Thị Thanh Yên	07/10/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 103

Ấn định danh sách này có 68 (sáu mươi tám) sinh viên , trong đó có: 

- 7 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 40 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 21 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Vũ Trịnh Huyền Anh	19/12/2001	3,47	Giỏi	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 7
2	Trần Thị Mỹ Duyên	01/01/2001	2,73	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 4
3	Lê Hoan	16/05/2000	2,73	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
4	Nguyễn Khánh Huyền	11/01/2000	2,80	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 9
5	Trần Võ Yến Ngọc	13/09/2001	2,76	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 16
6	Nguyễn Mai Bình Nguyên	17/04/2001	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 19
7	Huỳnh Ngọc Thảo Nguyên	06/04/2001	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 18
8	Phạm Lê Khánh Nhi	11/08/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 24
9	Nguyễn Đức Yến Nhi	07/09/2001	3,04	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
10	Nguyễn Thị Ý Nhi	28/02/2001	3,17	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 23
11	Huỳnh Minh Như	14/08/2001	3,12	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 26
12	Trần Hồng Phúc	21/05/2001	2,79	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 28
13	Đinh Hoàng Phương	19/04/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 29
14	Trần Thị Phương	25/02/2001	2,90	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 31
15	Nguyễn Thị Phương	20/09/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 30
16	Hồ Thị Mỹ Quyên	10/07/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 32
17	Trần Thị Nguyên Thảo	27/03/2001	3,76	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 38
18	Lê Thị Bích Thảo	06/03/2001	2,89	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 37
19	Nguyễn Thị Phước Thịnh	03/06/2001	3,16	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 41
20	Trần Thị Ngân Thư	09/10/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 45
21	Trần Nguyễn Huỳnh Thục	13/09/2001	3,06	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 42
22	Nguyễn Thị Hoài Thương	08/01/2001	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 46
23	Thân Thùy Tiên	20/09/2001	3,05	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 33
24	Hồ Nguyễn Thùy Trang	07/09/2001	2,83	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 47
25	Huỳnh Quốc Trung	08/03/2001	3,04	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Phan Thị Thanh Tú	13/08/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 35
27	Nguyễn Thị Ngọc Tú	01/08/2001	3,27	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 34
28	Võ Thị Huyền Vy	21/11/2000	2,92	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 52
29	Phùng Thị Xuân	21/01/2001	3,57	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 53
30	Nguyễn Thị Hoàng Yến	25/07/2001	3,08	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 54
31	Huỳnh Thị Thu Hà	30/06/2001	3,17	Khá	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 24

Ấn định danh sách này có 31 (ba mươi một) sinh viên , trong đó có: 

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 9 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 21 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891/QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Cao Thị Ngọc Anh	12/07/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 1
2	Đinh Trần Linh Chi	05/09/2001	3,18	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 3
3	Nguyễn Kim Chi	10/02/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 4
4	Nguyễn Phan Thanh Diệu	26/04/2001	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 6
5	Lê Thùy Dương	08/10/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
6	Phạm Huỳnh Khánh Duy	08/10/2001	3,90	Xuất sắc	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 14
7	Nguyễn Thị Hiếu Giang	10/07/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 10
8	Đinh Trần Ninh Giang	04/10/2001	2,84	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 9
9	Huỳnh Nguyễn Cẩm Hà	30/10/2001	3,22	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 11
10	Nguyễn Thị Thanh Hà	26/02/2001	2,55	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 12
11	Mai Nguyệt Hân	10/08/2001	3,22	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 15
12	Hồ Ngọc Anh Hào	28/09/1998	3,03	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 14
13	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	24/05/2001	3,24	Khá (Hạ bậc)	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 19
14	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	23/03/2001	2,63	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 21
15	Nguyễn Thị Thu Hòa	16/01/2001	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
16	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	26/08/2001	2,93	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 24
17	Hồ Thị Liên Hương	10/09/2001	3,39	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 27
18	Nguyễn Thành Kim	17/08/2001	2,88	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 28
19	Phạm Thị Thùy Linh	03/05/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 34
20	Võ Thị Mỹ Ly	15/06/2001	3,19	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 36
21	Phan Thị Kim Ngân	09/09/2000	2,91	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 38
22	Nguyễn Phạm Thu Ngân	27/05/2001	3,27	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 37
23	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	01/08/2001	3,01	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 39
24	Phan Trương Bảo Ngọc	28/09/2001	3,11	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 41
25	Phạm Phan Hoài Ngọc	28/04/2001	3,01	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 40
26	Trần Thị Hoài Nhi	05/05/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 42
27	Tạ Hoàng Phúc	16/01/2001	3,98	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 46

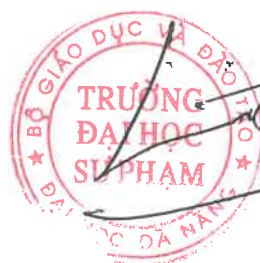


STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
28	Đỗ Thị Tố Phương	14/12/2000	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 48
29	Nguyễn Hà Phương	24/12/2001	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 49
30	Đặng Xuân Phương	05/08/2001	3,35	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 47
31	Nguyễn Thị Thu Thảo	07/10/2001	3,66	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 59
32	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/01/2001	3,05	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 58
33	Dương Thị Thảo	01/01/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 56
34	Nguyễn Quang Thiệp	25/09/2001	2,91	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 60
35	Đoàn Thị Ái Thơ	01/01/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 61
36	Lê Thị Hoài Thương	10/10/2001	3,01	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 67
37	Trần Lệ Thủy	11/09/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 65
38	Phan Lê Bích Thùy	27/04/2001	3,35	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 64
39	Phạm Thị Thu Thủy	26/01/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 63
40	Trần Thị Minh Thủy	21/07/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 66
41	Nguyễn Thị Thủy Tiên	04/01/2001	2,85	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 51
42	Phan Thị Mai Trang	19/05/2001	3,30	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 70
43	Võ Thị Thùy Trang	19/05/2001	3,12	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 72
44	Ngô Văn Trí	03/04/2001	3,01	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 75
45	Nguyễn Thanh Triều	13/03/2001	2,97	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 76
46	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	25/04/2001	3,18	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 54
47	Trần Thị Ngọc Uyên	31/01/2001	2,92	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 78
48	Phạm Thị Ngọc Viên	06/05/2001	3,08	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 79
49	Phạm Quốc Việt	17/02/1998	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 80
50	Trần Thị Thanh Xuân	27/01/2001	2,74	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 82
51	Đặng Thuỳ Trang	15/06/2001	3,50	Giỏi	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 12
52	Nguyễn Hoàng Tâm	12/02/2001	3,36	Khá (Hạ bậc)	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 13

Ấn định danh sách này có 52 (năm mươi hai) sinh viên, trong đó có:

- 3 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 17 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 32 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

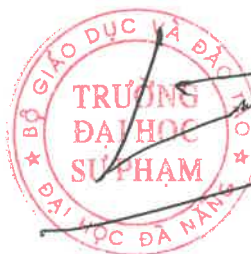
DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/01/2001	3,30	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 2
2	Zorâm Chương	01/07/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 6
3	Hồ Thị Hoạt	24/06/2001	3,29	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 20
4	Alăng Thị Mai Lê	26/01/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 27
5	Võ Phi Long	04/06/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 30
6	Nguyễn Thị Tố Nga	21/08/2001	3,33	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 40
7	Trần Thị Kim Ngân	05/09/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 41
8	Lê Thị Thảo Nhiên	10/09/2001	3,74	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 43
9	Nguyễn Tam Quang	25/05/2001	3,55	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50
10	Trần Thị Thương	05/03/2001	3,32	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 61
11	Phạm Thị Thủy	07/03/2001	3,17	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 58

Ấn định danh sách này có 11 (mười một) sinh viên , trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 9 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 1 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891/QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hồ Nguyễn Thúy Hiền	07/11/2001	3,53	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 17
2	Nguyễn Bá Kim Khánh	28/01/2001	3,37	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 21
3	Lê Lương Hồng Liên	11/01/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 24
4	Phạm Hà My	16/05/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 28
5	Nguyễn Duy Tân	26/06/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 40
6	Chương Thị Cẩm Tiên	01/05/2001	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 41
7	Trần Thị Lệ Trâm	22/03/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50

Ấn định danh sách này có 7 (bảy) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 7 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Trần Thiên Nhon	09/05/2001	3,76	Xuất sắc	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 5
2	Nguyễn Phạm Hoài Thi	18/04/2000	3,35	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 9
3	Võ Văn Tiến	13/12/2001	3,66	Xuất sắc	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 7
4	Nguyễn Thị Thanh Trà	06/11/2001	3,32	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 11
5	Y - Tuế	18/06/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 3
6	Đặng Thị Thảo Vân	22/02/2001	3,62	Xuất sắc	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 12
7	Lê Văn Dũng	10/12/2001	3,30	Giỏi	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 1
8	Nguyễn Tấn Tường	28/12/2001	3,56	Giỏi	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 9

Ấn định danh sách này có 8 (tám) sinh viên , trong đó có:

- 3 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Thành Thị Xuân Anh	04/04/2001	3,71	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 2
2	Trần Hà Minh Châu	10/06/2001	2,87	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 5
3	Nguyễn Thị Dàng	17/11/1998	3,58	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 6
4	Đào Thị Thúy Duy	25/06/2001	3,79	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
5	Nguyễn Thùy Giang	01/03/2001	3,53	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 11
6	Nguyễn Khánh Hạ	01/05/2001	3,83	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 13
7	Vũ Thị Hào	26/03/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 16
8	Lê Thị Minh Hiếu	30/03/2001	3,51	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
9	Trần Thị Ánh Hồng	06/02/1998	3,65	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 25
10	Nguyễn Minh Hưng	01/02/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 27
11	Phạm Nhật Linh	11/11/2001	3,31	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 35
12	Nguyễn Hoàng Khánh Ly	20/02/2001	3,57	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 37
13	Trần Đỗ Phương Minh	20/04/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 38
14	Lê Thị Trà My	24/08/2001	3,30	Giỏi	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 5
15	Từ Nguyễn Trà My	24/04/2001	3,49	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 42
16	Hồ Thị Diệu My	20/10/2001	3,19	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 39
17	Nguyễn Kiều Phương Ngọc	01/05/2001	3,79	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 48
18	Lê Thị Nguyên	02/08/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50
19	Huỳnh Thị Bích Nhạn	20/07/2001	3,77	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 53
20	Trương Huỳnh Như Phương	12/05/2001	2,93	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 61
21	Nguyễn Thị Phương	02/05/2001	3,54	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 60
22	Nguyễn Hồng Quân	08/03/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 63
23	Nguyễn Thị Kim Quyên	12/11/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 65
24	Nguyễn Thị Yến Thanh	18/01/2001	3,57	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 70
25	Hứa Nguyên Thảo	26/09/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 72



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Nguyễn Thị Phương Thảo	01/01/2001	3,19	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 73
27	Đinh Thị Anh Thảo	28/10/2001	3,82	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 71
28	Nguyễn Thị Anh Thư	07/10/2000	3,09	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 79
29	Phan Nguyễn Anh Thư	03/05/2001	3,40	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 80
30	Lê Minh Thư	26/11/2001	2,89	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 77
31	Nguyễn Thị Thủy	30/09/2000	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 76
32	Bạch Thị Tít	13/04/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 68
33	Huỳnh Thị Mỹ Trâm	24/08/2001	3,88	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 83
34	Trần Thị Ái Trâm	06/02/2001	3,53	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 88
35	Lê Ngọc Phương Trâm	28/04/2001	2,96	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 85
36	Nguyễn Thị Thanh Trâm	10/12/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 87
37	Nguyễn Thị Huyền Trâm	02/02/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 86
38	Nguyễn Anh Tuấn	09/04/2001	3,31	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 69
39	Thị Tân Hoài Uyên	30/06/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 95
40	Nguyễn Ngọc Mỹ Uyên	26/02/2001	3,16	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 93
41	Nguyễn Thị Tường Vi	21/12/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 97
42	Nguyễn Phạm Hồng Viên	16/04/2001	3,55	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 99

Ấn định danh sách này có 42 (bốn mươi hai) sinh viên , trong đó có:

- 8 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 25 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 9 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Trang Hoàng Ân	24/05/2001	3,74	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 3
2	Đoàn Thị Kim Chi	10/06/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 6
3	Lê Văn Chiến	02/09/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
4	Nguyễn Thành Đạt	03/02/2001	3,49	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 14
5	Phan Lê Ngọc Diệu	15/09/2001	3,75	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 10
6	Trần Phương Dung	02/06/2001	3,61	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 12
7	Từ Thị Hoa	18/08/2001	3,34	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 21
8	Đặng Thị Ánh Nguyệt	06/12/2001	3,64	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 31
9	Nguyễn Thị Thúy Quyên	26/01/2001	3,66	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 35
10	Trần Thị Dương Thanh	10/10/2001	3,74	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 44
11	Lê Trần Phương Thảo	28/06/2001	3,09	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 46

Ấn định danh sách này có 11 (mười một) sinh viên , trong đó có:

- 6 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 4 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 1 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Phan Nhật Lâm	14/07/2001	3,32	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 3
2	Nguyễn Thị Hằng Nga	09/03/2001	3,69	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 4
3	Nguyễn Kiều Trinh	15/07/2001	3,37	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 15
4	Trần Chí Vĩ	21/10/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 16

Ấn định danh sách này có 4 (bốn) sinh viên, trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 3 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

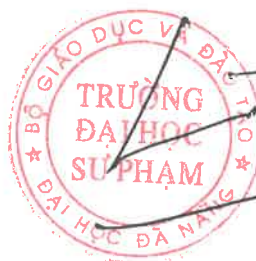
DANH SÁCH NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 881 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Trần Thúy Anh	07/11/2001	3,72	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 3
2	Y Mẫn	26/01/2001	3,37	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 24
3	Y Nức	10/02/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 26
4	Y Thịnh	02/04/2001	3,33	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 41
5	Lê Thị Cẩm Tiên	02/05/2001	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 33
6	Nguyễn Thị Xuân	02/03/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 49

Ấn định danh sách này có 6 (sáu) sinh viên , trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hoàng Thị Thùy An	14/05/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 1
2	Phạm Ngọc Vân Anh	06/09/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 2
3	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	28/10/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 5
4	Đinh Thị Ánh	08/09/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 4
5	Hoàng Thị Ngọc Bích	28/04/2001	3,76	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 6
6	Hà Thị Bích Đào	25/08/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 20
7	Nguyễn Ngọc Diệp	15/06/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 14
8	Nguyễn Đắc Minh Đoan	19/11/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 21
9	Mẫu Hương Giang	06/09/2001	3,37	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 25
10	Phan Nguyễn Xuân Hạ	06/06/2001	3,89	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 29
11	Trần Thị Bích Hạ	17/08/2001	3,61	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 30
12	Nguyễn Trần Ngọc Hân	17/10/2001	3,60	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 37
13	Trần Thị Thúy Hằng	28/01/2001	3,32	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 35
14	Phạm Thị Khánh Hường	15/10/2000	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 53
15	Phạm Trần Lan Hương	14/07/2001	3,37	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 51
16	Nguyễn Thanh Huyền	14/11/2001	3,51	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 48
17	Lê Nguyễn Như Huyền	21/10/2001	3,16	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 47
18	Phan Nhật Linh	27/08/2000	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 63
19	Nguyễn Mai Da Linh	30/08/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 60
20	Nguyễn Triều Kiều Ly	03/08/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 68
21	Lê Ngọc Phương Mai	20/08/2001	3,19	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 70
22	Hồ Thảo My	17/08/2001	3,15	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 72
23	Nguyễn Thị Như Ngọc	20/07/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 77
24	Đặng Thị Thảo Nguyên	28/08/2001	3,59	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 79
25	Trần Hoàng Hương Nguyên	16/11/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 81



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Trương Thị Quỳnh Nhi	04/05/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 86
27	Ksor H' Nhi	19/11/2001	3,05	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 82
28	Nguyễn Thị Quỳnh Như	17/03/2001	3,61	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 91
29	Nguyễn Thị Quỳnh Như	02/07/2001	2,97	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 92
30	Đỗ Thị Tuyết Nhung	09/03/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 87
31	Nguyễn Thị Diễm Phúc	19/08/2001	3,09	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 95
32	Đoàn Uyên Phương	25/03/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 96
33	Phan Thị Phương	12/07/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 100
34	Trần Thị Kim Quyên	10/01/2001	3,37	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 103
35	Trần Thị Như Quỳnh	11/09/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 110
36	Nguyễn Phan Diễm Quỳnh	30/08/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 105
37	Trần Thị Thảo Sương	02/02/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 112
38	Trịnh Thị Thắm	17/02/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 127
39	Nguyễn Phương Thanh	20/11/2001	3,31	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 115
40	Trần Thị Thảo	27/12/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 123
41	Nguyễn Thị Minh Thảo	11/07/2001	3,49	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 119
42	Hoàng Phương Thảo	21/03/2001	3,57	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 116
43	Phan Thị Bảo Thu	13/10/2001	3,85	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 132
44	Trần Thị Anh Thư	03/02/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 145
45	Phan Thị Ánh Thư	15/01/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 143
46	Võ Thị Hoài Thương	25/01/2000	3,30	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 147
47	Phạm Thị Thanh Thuý	09/08/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 133
48	Hồ Thị Thu Thủy	03/11/2001	3,13	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 137
49	Nguyễn Thị Diễm Thuý	06/04/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 141
50	Nguyễn Thái Thanh Thùy	10/12/2001	3,32	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 134
51	Hồ Thị Quý Tiên	14/10/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 113
52	Phạm Thị Huyền Trâm	15/08/2001	3,60	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 160
53	Đàm Thoại Huyền Trâm	03/05/2001	3,55	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 163
54	Lê Thị Thu Trang	22/01/2001	3,62	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 156
55	Bùi Thùy Trang	05/03/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 149
56	Lê Nguyễn Thị Thu Trang	02/03/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 155
57	Lê Huyền Trang	25/08/2001	3,61	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 154

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
58	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	27/06/2001	3,32	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 169
59	Đặng Thị Ngọc Trinh	03/12/2001	3,49	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 165
60	Trần Thị Tuyết Trinh	28/11/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 170
61	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	30/12/2001	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 168
62	Lê Thị Quỳnh Trúc	28/07/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 173
63	Trần Tố Uyên	12/10/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 177
64	Bùi Ngọc Cẩm Vân	07/10/2001	3,70	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 179
65	Trịnh Thị Hà Vi	10/10/2001	3,68	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 182
66	Lê Thị Cẩm Viên	14/04/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 184
67	Nguyễn Yến Vy	03/07/2001	3,81	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 190
68	Nguyễn Trần Hạ Vy	05/04/2001	3,53	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 189
69	Lương Thị Bảo Yến	03/12/2001	3,56	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 195
70	Lê Thị Hải Yến	12/06/2000	3,39	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 194
71	Trương Thị Thanh Uyên	27/09/2001	3,47	Giỏi	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 3
72	Lê Thị Khánh Linh	06/08/2001	3,73	Xuất sắc	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 5
73	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	08/10/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 3
74	H' Ô Ri Ayün	07/12/2001	3,58	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 94
75	Dương Thị Như Bình	06/11/2001	3,59	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
76	Lê Thị Ngọc Châu	16/12/2000	3,55	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 8
77	Lê Thị Thanh Châu	16/12/2000	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 9
78	Trần Lê Linh Chi	03/05/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 12
79	Hồ Thị Thúy Diễm	01/07/2001	3,22	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 13
80	Huỳnh Ngọc Diệu	19/12/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 15
81	Dương Thị Đông	05/01/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
82	Ngô Thị Lệ Giang	12/12/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 26
83	Đỗ Hà Giang	14/02/2001	3,17	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 23
84	Nguyễn Châu Mỹ Hạ	30/07/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 28
85	Đinh Ngọc Hà	28/09/2001	3,65	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 27
86	Huỳnh Đỗ Thị Ngọc Hân	12/08/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 36
87	Võ Vũ Ngọc Hân	27/07/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 38
88	Ngô Mỹ Hạnh	11/07/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 31
89	Trần Thị Thu Hiền	06/06/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 41

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
90	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/03/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 40
91	Thái Thị Hồng	02/12/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 43
92	Vũ Thanh Huyền	16/08/2001	3,39	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50
93	Nguyễn Thị Huyền	02/03/2001	3,34	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 49
94	Đào Thị Phương Huyền	06/05/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 45
95	Đoàn Thị Thanh Lài	16/08/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 56
96	Lê Thị Thùy Linh	09/12/2001	3,72	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 59
97	Phạm Mỹ Linh	11/01/2001	3,32	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 62
98	Trần Thị Minh Luận	13/07/2001	3,57	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 64
99	Trần Thị Khánh Ly	26/02/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 69
100	Nguyễn Khánh Ly	06/09/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 66
101	Nguyễn Hoàng Mai Ly	10/10/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 65
102	Đỗ Thị Diệu Mi	24/08/2001	3,54	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 71
103	Nguyễn Bùi Thúy Ngân	05/12/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 75
104	Trần Thị Bích Ngọc	22/01/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 78
105	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	10/09/2001	3,58	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 80
106	Trần Đặng Xuân Nhi	03/09/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 85
107	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	06/05/2001	3,13	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 84
108	Lê Thị Quỳnh Như	31/08/2001	3,65	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 90
109	Nguyễn Lê Huyền Nhung	14/03/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 88
110	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	08/12/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 89
111	Đinh Thị Xuân Ni	24/04/2001	3,49	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 73
112	Nguyễn Thị Tuyết Oanh	06/06/2001	3,32	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 93
113	Phan Thị Phương	21/04/2001	2,93	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 99
114	Nguyễn Thị Phương	28/07/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 98
115	Vũ Thị Phương	05/05/2001	3,43	Khá (Hạ bậc)	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 101
116	Nguyễn Thị Minh Quyên	17/01/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 102
117	Phan Ngô Như Quỳnh	06/06/2001	3,02	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 107
118	Lê Thị Thắm	01/02/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 126
119	Hồ Thị Thu Thảo	28/05/2001	3,61	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 117
120	Văn Thị Xuân Thảo	26/01/2001	3,31	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 125
121	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/04/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 120

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
122	Nguyễn Anh Thu	14/07/2001	3,64	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 142
123	Trần Khánh Thu	22/08/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 144
124	Ngô Thị Thu Thủy	27/03/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 139
125	Huỳnh Thị Bích Thủy	08/04/2001	3,19	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 138
126	Hoàng Thị Thủy	11/08/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 136
127	Phạm Thị Minh Thùy	22/01/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 135
128	Trương Sơn Trà	03/11/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 148
129	Trịnh Ngọc Bích Trâm	06/11/2001	3,59	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 161
130	Nguyễn Thị Trang	01/07/2001	3,64	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 158
131	Huỳnh Thị Minh Trang	18/01/2001	3,66	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 152
132	Nguyễn Thị Phương Trang	20/09/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 157
133	Huỳnh Thùy Trang	15/09/2001	3,60	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 153
134	Võ Thị Trinh	12/03/2001	3,54	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 171
135	Ngô Thị Ngọc Trinh	30/03/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 166
136	Nguyễn Phương Trinh	15/04/2001	3,22	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 167
137	Võ Thị Xuân Trúc	10/01/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 174
138	Trần Nguyễn Thạch Truyền	13/05/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 175
139	Trần Thị Thảo Uyên	20/07/2001	3,68	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 178
140	Thị Thị Thảo Vi	13/05/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 181
141	Trương Thị Kiều Vi	09/07/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 183
142	Nguyễn Trần Cát Vy	08/10/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 188
143	Tăng Ngọc Như Ý	30/04/2000	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 191
144	Phạm Thị Hoài Thu	10/07/2001	3,28	Giỏi	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 28

Ấn định danh sách này có 144 (một trăm bốn mươi bốn) sinh viên , trong đó có:

- 22 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 109 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 13 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Khánh Duyên	29/03/2001	3,22	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 4
2	Phan Thị Mai Duyên	19/10/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 6
3	Trần Thị Giang	30/09/2001	3,19	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 9
4	Ngô Thị Thùy Giang	18/02/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
5	Nguyễn Thị Thúy Hằng	18/04/2001	3,12	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 13
6	Đặng Thị Hào	22/11/2001	3,22	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 11
7	Trần Thúy Hiền	20/11/2001	3,08	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 15
8	Phạm Thị Mai Hiếu	22/09/2001	3,33	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 17
9	Rơ Châm Hnan	29/12/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 18
10	Trần Thị Thu Hoài	07/03/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 19
11	Nguyễn Khải Huyền	16/03/2001	3,60	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 21
12	Y Khải	06/07/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
13	Y Lia	25/12/2001	3,37	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 24
14	Nguyễn Thị Mỹ Linh	28/05/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 25
15	Võ Đình Chi Mai	28/04/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 27
16	Lê Thị Trà My	18/03/2001	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 28
17	Lê Trương Trà My	10/07/2001	3,35	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 29
18	Phạm Thị Thúy Nga	12/08/2001	3,54	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 35
19	Nguyễn Thị Hồng Ngân	11/06/2001	3,53	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 37
20	Nguyễn Thị Ngân	24/08/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 38
21	Trương Thị Bảo Ngọc	20/08/2001	3,11	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 39
22	Lê Nữ Quỳnh Nhi	04/09/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 40
23	Trần Thị Lan Nhi	01/11/2001	3,37	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 42
24	Võ Thị Mai Nhung	24/04/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 44
25	Phạm Thị Kiều Oanh	09/07/2001	3,59	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 47
26	Nguyễn Thị Tú Oanh	25/02/2001	3,15	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 46
27	Châu Diễm Phúc	18/05/2001	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 48



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
28	Lê Thị Phương	13/11/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50
29	Phan Thị Thu Phương	13/10/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 52
30	Đặng Thị Thu Phương	30/08/2001	3,09	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 49
31	Nguyễn Thảo Phương	20/08/2001	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 51
32	Y Li Sa	20/11/2001	3,62	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 55
33	Võ Thị Tâm	30/03/2001	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 57
34	Đỗ Thị Hoàng Tâm	12/12/2001	3,34	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 56
35	Nguyễn Hồng Anh Thư	31/07/2001	3,17	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 68
36	Trần Y Thư	11/05/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 69
37	Nguyễn Thị Hoài Thương	20/07/2001	3,34	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 70
38	Nguyễn Thị Thanh Thuý	05/10/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 65
39	Phạm Thị Thùy	05/05/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 66
40	Nguyễn Thị Trang	08/05/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 74
41	Bùi Thị Thảo Trang	05/04/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 71
42	Nguyễn Thị Kiều Trang	11/05/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 73
43	Nguyễn Thị Trinh	20/05/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 77
44	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17/03/2001	3,69	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 58
45	Trần Thị Kim Tuyến	06/04/2001	3,14	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 60
46	Ngô Thu Uyên	24/10/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 79
47	Hà Thị Tố Uyên	23/11/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 78
48	Phạm Thị Hải Vân	05/11/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 81
49	Nguyễn Thị Tường Vui	25/05/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 83
50	Nguyễn Thành Thảo Vy	09/10/2001	3,63	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 84
51	Nguyễn Thị Mai Yên	07/09/2001	3,31	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 87

Ấn định danh sách này có 51 (năm mươi một) sinh viên , trong đó có:

- 4 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 37 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 10 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH TOÁN ỨNG DỤNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Toán tin					
1	Phạm Thị Ngọc Diệp	18/02/2001	3,26	Giỏi	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 6
2	Trương Thị Mỹ Duyên	21/05/2001	2,79	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 1
3	Trần Hoàng Thiên Nga	24/07/2000	3,62	Xuất sắc	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 4
4	Trần Thị Thạo	11/01/2001	2,56	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 4

Ấn định danh sách này có 4 (bốn) sinh viên , trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 2 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 891/QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Trần Gia Bảo	30/10/2001	3,08	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 5
2	Huỳnh Thị Bích Cẩm	12/01/2001	3,12	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 6
3	Ngô Thị Huyền	19/04/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 48
4	Trần Trọng Minh	03/01/2001	2,78	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 59
5	Lê Đăng Hoài Nam	23/01/2001	2,85	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 62
6	Hồ Anh Nguyên	16/05/2001	2,89	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 40
7	Nguyễn Hoàng Khánh Nhi	11/10/2001	3,04	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 69
8	Nguyễn Đình Hồng Nhi	05/10/2001	3,11	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 68
9	Trần Việt Phước	27/07/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 74
10	Nguyễn Dương Quý	27/07/2001	2,91	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 78
11	Võ Thanh Tâm	01/01/2001	2,62	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 86
12	Thái Văn Thiện	06/04/2001	3,47	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 114
13	Lê Văn Tịnh	22/03/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 90
14	Đỗ Thị Ngọc Trinh	04/04/2001	2,95	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 60
15	Hồ Dương Tuyết Trinh	01/10/2001	2,55	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 124
16	Huỳnh Anh Tuấn	16/10/2001	2,78	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 52
17	Nguyễn Thị Ngọc Vân	19/08/2001	2,86	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 127
18	Nguyễn Thụy Ý	16/06/2001	2,66	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 135
19	Phan Hữu Lân	06/03/2001	3,43	Giỏi	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 9
20	Trần Thị Thanh Cúc	18/06/2001	2,75	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 8
21	Lê Thị Thùy Dung	10/04/2001	2,76	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 10
22	Nguyễn Hữu Thiên Duy	15/10/2001	2,88	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 14
23	Võ Duy Hiền	25/03/2001	2,59	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 37
24	Phan Văn Hùng	29/09/2001	3,27	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 45
25	Nguyễn Thị Xuân Lộc	20/06/2001	2,92	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 56
26	Trần Thị Hoàng Mỹ	01/11/2001	3,08	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 60
27	Nguyễn Thảo Nhi	18/03/2001	3,14	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 70



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
28	Phạm Thị Nhung	25/09/2001	3,10	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 71
29	Nguyễn Hữu Phước	02/03/2001	3,11	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 73
30	Nguyễn Thị Bích Phương	19/08/2001	2,87	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 75
31	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	05/08/2001	2,84	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 81
32	Lê Đức Thắng	09/08/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 111
33	Trương Nguyễn Hiền Thương	04/08/2000	2,73	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 59
34	Hà Ngọc Bảo Trâm	07/07/2001	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 123
35	Lê Thị Trang	02/09/2001	2,79	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 122
36	Nguyễn Thanh Tú	24/05/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 93
37	Lê Hạ Uyên	18/07/2001	2,85	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 126
38	Đặng Thị Ngọc Vi	11/01/2001	3,02	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 129
39	Ngô Hoàn Vũ	26/06/2001	2,60	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 132
40	Lý Thị Phương Yến	06/06/2001	3,10	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 136

Ấn định danh sách này có 40 (bốn mươi) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 35 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Doãn Văn Nam	28/04/2000	2,79	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
2	Phan Quang Thắng	04/06/2001	3,03	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 12
3	Mai Đức Tin	27/11/2001	3,10	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 9
4	Nguyễn Minh Toàn	11/05/2001	2,87	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 10
5	Tạ Ngọc Trọng	14/04/2001	2,70	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 13
6	Nguyễn Thị Hoàng Anh	28/01/2001	2,77	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 1
7	Lê Anh Bảo Châu	26/10/2000	2,86	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 3
8	Phạm Hằng Kim Mi	21/11/2001	2,95	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 24
9	Trần Thị Bảo Ngân	01/09/2001	3,04	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 25
10	Trần Thị Thảo Nguyên	09/07/2001	3,28	Giỏi	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 26
11	Phạm Thị Như Thủy	19/10/2001	3,15	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 41
12	Trần Trọng Tuyển	05/04/2000	3,45	Giỏi	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 34

- Ấn định danh sách này có 12 (mười hai) sinh viên , trong đó có:
- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
 - 2 sinh viên Xếp loại Giỏi
 - 10 sinh viên Xếp loại Khá
 - 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Công Hoàng	21/07/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 8
2	Nguyễn Minh Huy	07/01/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 12

Ấn định danh sách này có 2 (hai) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 1 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Hóa dược					
1	Nguyễn Thị Hoàng Dung	03/07/2001	2,84	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 1
2	Lê Thị Kim Liên	07/09/2001	3,34	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 11
3	Mai Thị Ngọc Linh	16/06/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 12
4	Đào Quỳnh Nhi	10/03/2001	3,21	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 6
5	Thái Phúc Bảo Trân	26/04/2001	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
6	Lê Thị Thuý Vy	30/08/2001	3,00	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 24
7	Trương Thị Thu Thảo	22/11/2001	2,54	Khá	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 16
8	Phạm Hoàng Mỹ Hương	09/05/2001	3,55	Giỏi	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 26

Ấn định danh sách này có 8 (tám) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 4 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 4 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trương Thị Ngân Hà	29/09/2001	3,76	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 2
2	Nguyễn Vũ Như Hoàng	04/02/2001	3,21	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 3
3	Lê Thị Mỹ Linh	09/08/2001	2,85	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 5
4	Trần Hoàng Anh Phước	30/12/2001	3,14	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 4
5	Trần Thị Thủy	22/01/2001	3,18	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 8
6	Hồ Hải Hưng	07/09/2001	3,11	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 2
7	Nguyễn Trang Như	22/01/2001	2,83	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 4
8	Nguyễn Thị Yến Trang	31/01/2001	3,08	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 6
9	Lê Thị Hồng Nhung	10/08/1999	3,23	Giỏi	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 20
10	Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	05/04/2001	3,34	Giỏi	3170/QĐ-ĐHĐN ngày 26/9/2019 22

Ấn định danh sách này có 10 (mười) sinh viên , trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 3 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 6 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

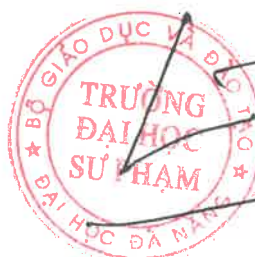
DANH SÁCH NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891/QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Ứng dụng Công nghệ sinh học trong Nông nghiệp - Dược liệu - Môi trường					
1	Lê Chí Quỳnh Anh	22/09/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 2
2	Dương Minh Hiền	06/12/2001	3,41	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 2
3	Đỗ Phú Huy	08/06/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
4	Nguyễn Thị Phương	27/05/2001	3,70	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 16
5	Trần Thị Anh Phương	02/06/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 15
6	Trần Đức Tài	10/06/1998	3,03	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 5
7	Nguyễn Hoàng Uyên	21/04/2001	3,68	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
8	Phan Nguyễn Khánh Uyên	07/12/2001	3,14	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 23
9	Lê Phạm Thị Như Ý	23/09/2001	3,24	Giỏi	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 4

Ấn định danh sách này có 9 (chín) sinh viên , trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 4 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 3 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH VĂN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Bảo Ngọc Anh	11/08/2001	3,54	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 2
2	Phạm Thị Thúy Nguyên	01/03/2001	2,99	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 7
3	Ngô Ý Nhân	15/06/2001	3,28	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 8
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/04/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 45
5	Trần Anh Phương Thảo	27/07/2001	3,78	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 62
6	Trần Thị Kim Thảo	01/01/2001	3,12	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 63
7	Nguyễn Thị Bích Trâm	15/03/2001	3,31	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 14
8	Trần Thùy Uyên	20/04/2001	2,94	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 72
9	Dương Thị Như Ý	01/01/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 76
10	Lương Thị Minh Duyên	23/11/2001	3,66	Xuất sắc	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 4
11	Trần Thị Mỹ Hạnh	28/04/2001	2,54	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 5

Ấn định danh sách này có 11 (mười một) sinh viên , trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 4 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH VĂN HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891/QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Xuân Hằng	24/01/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 12
2	Y Thảo	15/07/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 45
3	Lê Thị Anh Thư	02/07/2001	2,82	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50
4	Võ Thị Thu Trâm	20/11/2001	2,72	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 52
5	Nguyễn Thị Hạnh Trang	04/09/2001	2,89	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 51
6	Nguyễn Thị Phương Uyên	18/05/2001	2,71	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 53
7	Bờnướcch Thị Vân	28/04/2001	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 56
8	Coor Thị Phương	07/01/2001	2,92	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 6
9	Hoàng Thị Thanh Thảo	20/05/2001	2,92	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 10
10	Nguyễn Thị Ngọc Tú	13/07/2001	3,24	Giỏi	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 9

Ấn định danh sách này có 10 (mười) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 4 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 6 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH BÁO CHÍ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891/QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Nguyễn Ngọc Hân	05/06/2001	2,75	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 5
2	Phạm Quỳnh Hương	15/07/2001	2,85	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 39
3	Lê Trần Bảo Huy	24/08/2001	2,91	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 33
4	Vũ Phan Huy	14/09/2001	2,85	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 35
5	Nguyễn Thị Thu Loan	16/06/2001	3,01	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50
6	Lưu Thị Hồng Ly	01/06/2001	3,11	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 56
7	Nguyễn Thị Khánh Ngân	21/06/2001	3,49	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 14
8	Lê Phạm Hồng Nhạn	09/10/2001	3,30	Giỏi	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 47
9	Nguyễn Trần Uyên Nhi	15/08/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 70
10	Hồ Thị Huỳnh Như	18/05/2001	2,73	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 15
11	Phan Thị Quỳnh Như	02/11/2001	2,86	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 71
12	Cao Tấn Quy	13/05/2001	2,95	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 75
13	Trần Hạ Quyên	12/09/2001	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 78
14	Nguyễn Thị Hà Thanh	29/08/2001	2,69	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 90
15	Trần Ngọc Anh Thư	28/09/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 105
16	Nguyễn La Khánh Trang	07/08/2001	3,63	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 110
17	Nguyễn Thị Thanh Trang	16/04/2001	3,14	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 111
18	Nguyễn Huỳnh Kiều Trang	27/09/2001	2,99	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 109
19	Trần Thị Tường Vi	15/05/2001	2,49	Trung bình	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 32
20	Ngô Ngọc Hoàng Vy	13/04/2001	3,00	Khá	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 30
21	Huỳnh Nguyễn Kiều Vy	13/11/2001	3,29	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 125
22	Trần Văn Nhật Anh	12/07/2001	3,01	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 1
23	Đinh Thị Linh Chi	09/08/2001	2,83	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 8
24	Nguyễn Thị Thu Hương	20/04/2001	3,04	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 38
25	Nguyễn Đăng Huy	18/01/2001	3,17	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 34



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Phạm Nguyễn Ngọc Kha	10/05/2001	3,00	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 41
27	Đặng Thị Nhi Loan	14/08/2001	2,97	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 49
28	Đặng Thanh Luy	24/01/2001	3,39	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 52
29	Lê Nhật Minh	27/03/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 59
30	Nguyễn Thị Nhung	14/07/2001	3,56	Giỏi	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 26
31	Lê Thị Thu Phượng	10/09/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 74
32	Phan Thị Thanh Phương	03/07/2001	3,04	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 73
33	Nguyễn Thanh Tâm	27/12/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 82
34	Nguyễn Đôn Việt Thắng	11/12/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 100
35	Huỳnh Phương Thanh	17/04/2001	2,82	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 89
36	Trần Thị Thi	06/08/2000	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 102
37	Phạm Thị Minh Thư	04/10/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 104
38	Đinh Thị Dương Thùy	12/12/2001	3,16	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 27
39	Lê Minh Tín	22/01/2001	3,87	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 84
40	Lê Thị Yên Trang	20/12/2001	3,14	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 30
41	Huỳnh Thị Thùy Trang	14/01/2001	3,11	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 108
42	Trần Anh Trúc	13/02/2001	3,01	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 116
43	Ngô Hồng Uyên	22/08/2001	3,61	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 118
44	Hồ Thị Khánh Vân	22/10/2001	3,38	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 119
45	Võ Đăng Vinh	26/05/2001	3,86	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 124
46	Trần Văn Vỹ	22/05/2001	3,80	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 126

Ấn định danh sách này có 46 (bốn mươi sáu) sinh viên, trong đó có:

- 5 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 13 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 27 sinh viên Xếp loại Khá
- 1 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH VIỆT NAM HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Văn hóa - Du lịch					
1	Trần Kim Anh	18/06/2001	3,52	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 6
2	Ngô Thị Kiều Chinh	10/09/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 10
3	Nguyễn Thanh Đạt	01/11/2001	3,13	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 22
4	Đỗ Kỳ Duyên	03/03/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 17
5	Lê Thị Hoanh	20/08/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 54
6	Dương Thị Ngọc Huệ	08/07/2001	3,46	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 57
7	Trần Văn Hưng	28/10/2001	2,89	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 63
8	Võ Nguyễn Quang Huy	06/04/2001	3,65	Xuất sắc	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 16
9	Nguyễn Văn Huy	28/07/2000	3,18	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 60
10	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/08/2001	3,66	Xuất sắc	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 48
11	Nguyễn Thị Phương Lan	02/07/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 71
12	Phạm Thị Thùy Linh	24/10/2001	3,31	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 80
13	Trần Thị Khánh Ly	09/03/2001	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 93
14	Nguyễn Thị Linh Mỹ	05/09/2001	3,57	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 99
15	Lâm Thị Mỹ Nguyên	09/08/2001	3,05	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 109
16	Phù Thị Mỹ Nhân	20/08/2001	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 111
17	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	13/10/2000	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 114
18	Lý Thị Hải Nhi	25/05/2001	3,77	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 113
19	Phan Thị Ninh	03/08/2001	3,70	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 102
20	Nguyễn Thị Kim Phượng	03/03/2001	3,43	Giỏi	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 10
21	Đỗ Thị Thanh Phương	02/11/2000	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 119
22	Trần Thị Hồng Thắm	13/01/2001	3,59	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 151
23	Nguyễn Thị Thu Thảo	15/12/2001	3,56	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 149
24	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10/04/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 148



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
25	Từ Văn Thịnh	25/08/2000	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 153
26	Đặng Thị Anh Thư	28/12/2001	3,63	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 162
27	Nguyễn Phạm Anh Thư	06/07/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 165
28	Phạm Thị Thanh Thúy	01/01/2001	3,50	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 160
29	Võ Thị Thảo Tiên	22/06/2001	3,62	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 134
30	Trần Thị Thảo Trang	24/12/2001	3,48	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 174
31	Nguyễn Thị Bích Trang	01/01/2001	3,60	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 172
32	Trần Thị Mỹ Trang	21/05/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 173
33	Nguyễn Văn Tuấn	10/02/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 137
34	Phạm Trần Thảo Uyên	19/06/2001	3,67	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 186
35	Nguyễn Hữu Vũ	30/08/2001	3,05	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 195
36	Trần Minh YẾN	07/06/2001	3,82	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 199
37	Đặng Hoàng Giang	12/11/2000	3,57	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 24
38	Đặng Thị Ngọc Ánh	04/01/2001	3,14	Khá	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 45
39	Nguyễn Thị Kim Ánh	28/04/2001	3,77	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 7
40	Bùi Văn Cường	27/12/2000	3,13	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 9
41	Bùi Thị Phương Diễm	14/10/2001	3,15	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 11
42	Nguyễn Thị Thu Diễm	30/10/2001	3,35	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 13
43	Đào Thị Thùy Dung	02/01/2000	3,29	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 15
44	Ngô Thu Hà	01/01/2001	3,18	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 27
45	Lương Thị Hà	30/10/2001	3,20	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 26
46	Đào Thị Thu Hằng	10/09/2001	3,12	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 33
47	Nguyễn Thị Hòa	25/02/2001	3,16	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 51
48	Bùi Lê Quốc Huy	10/04/2001	3,82	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 58
49	Đinh Thị Thanh Lam	19/11/2001	3,29	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 69
50	Phan Thị Ngọc Lan	14/06/2001	3,45	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 72
51	Nguyễn Thị Lân	23/01/2001	3,58	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 74
52	Đoàn Thị Yến Ly	05/01/2001	3,24	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 91
53	Lê Thị Huệ Mẫn	11/09/2001	3,44	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 96
54	Ngô Thị Nga	24/07/2001	3,11	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 105
55	Võ Thị Mỹ Nguyên	18/06/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 110
56	Hồ Thị Ý Phương	01/11/2001	3,61	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 120

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
57	Lê Thị Thủy	01/06/2001	3,34	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 158
58	Lê Thị Kim Trang	11/02/2001	3,05	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 171
59	Lê Hoàng Nhật Trinh	27/08/2001	3,62	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 181
60	Nguyễn Phi Trường	07/10/2001	3,29	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 185
61	Phan Nguyễn Thanh Tuyền	22/06/2001	3,18	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 139
62	Vương Khánh Vi	01/07/2001	3,22	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 192
63	Trần Ngô Quang Viễn	12/10/2001	2,69	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 193
64	Châu Thị Hồng Việt	20/01/2001	3,70	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 194
65	Diệp Thị Như Ý	31/03/2001	3,66	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 197

Ấn định danh sách này có 65 (sáu mươi lăm) sinh viên , trong đó có:

- 15 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 35 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 15 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH LỊCH SỬ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Quan hệ quốc tế					
1	Nguyễn Thị Bích Chi	20/04/2001	3,50	Giỏi	2220/QĐ-ĐHĐN ngày 22/7/2019 22
2	Nguyễn Thị Minh Hoàng	05/12/2001	3,75	Xuất sắc	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 3
3	Trương Bảo Nhi	12/11/2001	3,88	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 5
4	Mai Thị Phụng	24/09/2001	3,00	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 8
5	Nguyễn Thị Linh Khánh	15/10/2001	2,83	Khá	3043/QĐ-ĐHĐN ngày 18/9/2019 1

Ấn định danh sách này có 5 (năm) sinh viên , trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 2 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH ĐỊA LÝ HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Địa lý du lịch					
1	Võ Thị Thu Hà	16/04/2001	3,35	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 4
2	Trương Thị Minh Hoàng	15/07/2001	3,13	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 25
3	Lê Thị Hồng Mơ	13/01/2001	3,07	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 50
4	Phan Hoàng Ngân	12/12/2001	3,17	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 11
5	Lê Thị Kim Ngân	02/11/2001	3,05	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 55
6	Nguyễn Thái Ngọc	05/07/2000	3,37	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 14
7	Lê Thị Ánh Ngọc	11/09/2001	3,66	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 58
8	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	21/03/2001	3,02	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 60
9	Vì Thị Lệ Thủy	19/01/2001	2,78	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 101
10	Nguyễn Thị Thúy	14/02/2001	3,43	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 102
11	Trần Thị Quỳnh Trang	20/06/2001	3,42	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 109
12	Đoàn Thị Tố Trinh	08/03/2001	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 114
13	Trần Lê Thanh Tuyền	04/11/2001	3,80	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 84

- Ấn định danh sách này có 13 (mười ba) sinh viên , trong đó có:
- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
 - 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
 - 6 sinh viên Xếp loại Khá
 - 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH NGÀNH TÂM LÝ HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	26/09/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 5
2	Lê Thị Mỹ Duyên	21/10/2000	3,50	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 4
3	Lê Đăng Trúc Hà	03/07/2001	3,27	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 5
4	Lê Thị Thúy Hằng	20/01/2001	3,52	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 6
5	Nguyễn Thị Thúy Hằng	12/01/2001	2,87	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 7
6	Phạm Nguyễn Hoàng	02/10/2000	3,07	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 8
7	Trương Thị Kim Huệ	26/02/2001	3,49	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 58
8	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	19/09/2001	3,59	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 9
9	Mai Văn Lộc	18/04/2001	2,78	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 13
10	Nguyễn Thị Ly Na	09/07/2001	3,69	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 99
11	Trần Thị Hồng Ngọc	17/05/2000	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 111
12	Nguyễn Quỳnh Như	09/07/2001	3,22	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 20
13	H Hanh Niê	14/11/2001	3,29	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 44
14	Nguyễn Thị Xuân Phương	25/07/2001	3,36	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 134
15	Dương Ngọc Hải Uyên	10/05/2001	3,11	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 138
16	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2001	3,35	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 143
17	Trần Thị Diễm Quỳnh	12/07/2001	3,03	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 145
18	Huỳnh Tấn Thành	01/01/2001	3,35	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 159
19	Nguyễn Thị Thanh Thúy	04/04/2001	3,25	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 182
20	Nguyễn Thị Kim Thùy	07/10/2001	3,26	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 173
21	Võ Minh Thủy	01/11/2001	3,81	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 179
22	Văn Thị Thùy Trâm	24/09/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 199
23	Châu Thị Tuyết Trinh	01/01/2001	3,41	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 203
24	Lê Thị Tú Uyên	09/10/2001	3,55	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 212
25	Huỳnh Trần Thục Vy	08/11/2001	2,99	Khá	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 31



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Nguyễn Thị Cẩm Vy	26/05/2001	3,23	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 230
27	Nguyễn Trần Hoài Diệu Vy	14/06/2001	2,98	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 225
28	Mai Thị Mỹ Xuân	20/06/2001	3,60	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 231

Ấn định danh sách này có 28 (hai mươi tám) sinh viên , trong đó có:

- 3 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 18 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 7 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



DANH SÁCH NGÀNH TÂM LÝ HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số: 891 /QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Thị Phương	02/04/2001	3,58	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 21

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên , trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: **891** /QĐ-ĐHSP ngày **01** tháng **6** năm **2023** của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Bling Thị Cước	20/06/2000	2,62	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 9
2	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/2001	3,24	Giỏi	2699/QĐ-ĐHĐN ngày 27/8/2019 2
3	Tơ Ngô Trường Giang	28/03/2000	3,28	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 28
4	Kiều Thị Thúy Hằng	24/01/2001	3,66	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 32
5	Đinh Thị Liễu	08/05/2001	3,21	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 61
6	Nguyễn Thị Hồng Tâm	26/12/2001	3,87	Xuất sắc	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 114
7	Nguyễn Minh Thảo	27/06/2001	3,39	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 128
8	Nguyễn Hoàn Tinh	07/01/2001	3,15	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 118
9	Bùi Thị Tố Uyên	22/05/2001	3,55	Giỏi	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 148
10	Hồ Văn Vịnh	23/11/2001	2,99	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 152
11	Brúu Thị Xúu	01/03/2001	2,88	Khá	2755/QĐ-ĐHĐN ngày 30/8/2019 156

Ấn định danh sách này có 11 (mười một) sinh viên , trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 4 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG


PGS. TS. Lưu Trang